

# PHẬT THUYẾT ĐẠI THỪA VÔ LƯỢNG THỌ TRANG NGHIÊM THANH TỊNH BÌNH ĐẲNG GIÁC KINH

*Phúc giảng lần thứ hai: Cô Lưu Tố Vân*

*Thời gian: 16/08/2021*

*Địa điểm: Tiểu viện Lục Hòa*

## **Tập 90**

Chư vị đồng tu tôn kính, chào mọi người, A-di-đà Phật!

Tiết học trước chúng tôi nói về ba điều không tin. Không tin bất tư nghị trí, không tin bất khả xung trí, không tin Đại thừa quảng trí. Tiết học này nói về điều không tin thứ tư.

Thứ tư, không hiểu rõ vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí. Hoài nghi Phật không có được nhất thiết chủng trí, trí tuệ của Phật họ không thể suy lường được, không nghĩ đến được cảnh giới đó, cho nên dùng cách suy nghĩ của họ mà gán cho Phật: Bạn không cung kính thì Phật sẽ tức giận, Phật muốn thế này thế nọ, muốn lễ vật cúng, Phật còn biết chê dơ, hãy còn trách móc v.v. Đối với trí tuệ của Phật một chút cũng chẳng hiểu được. Chẳng phải nói họ không tin chút nào vào nhất thiết chủng trí của Phật, họ còn không có khái niệm về danh từ này, kỳ thật chính là nghĩa như vậy. Xin nêu ví dụ để hiểu rõ: Họ xem Phật như người thông thường, họ cho rằng Phật cũng thích nghe lời êm tai, cũng thích người ta khấu đầu, cũng thích sạch sẽ, với tất cả những suy nghĩ thường tình này, họ xem Phật như phạm phu vậy.

Hoàng Niệm lão từng kể câu chuyện về ngài Uế Tích Kim Cang. Ngài Uế Tích Kim Cang của Mật pháp chỉ quan tâm đến thứ dơ bẩn, chỉ để ý đến cái gì dơ, càng dơ Phật càng phóng quang. Có người tu theo ngài Uế Tích Kim Cang được vãng sanh, hiển thần thông rất lợi hại. Hoàng Niệm lão quen một người họ Lý, người này có chút thần thông nhỏ, tâm hiếu kỳ của ông ta rất mạnh, một ngày nọ, ông ta triệu thỉnh ngài Uế Tích Kim Cang, Uế Tích Kim Cang thật sự đã đến, ông ta sợ đến nỗi chui xuống gầm bàn không dám bước ra. Ngài Uế Tích Kim Cang hỏi ông: Ông mời Ta đến có việc gì vậy? Ông cứ run rẩy, nói không ra lời. Một tiếng nổ vang lên, không nhìn thấy Uế Tích Kim Cang đâu nữa, người ấy sợ chết khiếp. Uế Tích Kim Cang là hóa thân của Thích-ca Mâu-ni Phật.

Đối với vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí của Phật không thể sanh [lòng] tin, đối với pháp môn Tịnh độ được lưu hiện ra từ loại trí tuệ này của Phật không thể sanh khởi chánh tín, nên chiêu cảm ra quả báo thai sanh. Trí tuệ của Phật, nếu chúng sanh chẳng thể lý giải thì nên ngưỡng mộ tin tưởng. Đại thừa Khởi Tín Luận nói: “Hết thấy cảnh giới vốn là nhất tâm”, đó là sự hiển hiện của nhất tâm. “Đã lìa khỏi ý niệm vọng tưởng”, là cảnh giới đã lìa khỏi ý niệm vọng tưởng. Cảnh giới của chúng sanh là vọng kiến, kiến giải sai lầm. Điều này rất giống với cách nói của nhà khoa học: Vật chất là do cảm giác sai lệch của chúng sanh mà ra. Chúng ta nói tất cả những cảnh giới này là từ cái thấy sai lầm của chúng sanh mà có. Vật chất chính là cảnh giới, vốn là không một vật, nhưng do cái thấy hư vọng mà sinh ra hết thấy phân biệt, bất đồng, giới hạn v.v... tất cả sự sai biệt. Tất cả những cảnh giới này là do vọng niệm, ý niệm vọng tưởng mà hiện ra, không phù hợp với pháp tánh, cho nên đối với pháp môn Tịnh độ xứng hợp pháp tánh thì không có tín tâm quyết định.

Chư Phật Như Lai đã “lìa khỏi các tướng thấy, nên không gì là chẳng hiểu trọn vẹn”. Thấy các tướng chẳng phải là tướng, tức là thấy Như Lai. Lìa khỏi các tướng thấy, các tướng đều là chẳng phải tướng. Không có thấy, đã lìa khỏi cái thấy này rồi, vậy nên không gì là chẳng hiểu trọn vẹn. Nếu có cái thấy được thì sẽ có sự hạn cuộc ngăn ngại. “[Vi là] tâm chân thật nên chính là tánh của các pháp”, tự tâm chân thật thì giống với bản tánh của các pháp. Tự thể có thể chiếu rõ hết thấy pháp hư vọng, có thể hiện ra các pháp hư vọng đó, có cái dụng của đại trí tuệ. Chư Phật Như Lai đối với tất cả tướng thấy đều thông tỏ, biết rõ chúng sanh đều là vọng, chẳng có chúng sanh nào để độ, vì chúng sanh vốn đều là Phật, đối với cái vọng này, Phật có thể chiếu kiến. Có thể tùy theo khả năng lý giải của chúng sanh mà khai thị cho họ ngộ nhập, để bạn nhận được các thứ pháp nghĩa, cho nên gọi là nhất thiết chủng trí. Có thể không gì không biết, không gì không thông, không ai chẳng thể độ, có được trí dụng lớn đến như vậy, đó là thần thông của Phật. Chỉ thẳng tâm người để họ thấy tánh thành Phật là thần thông của Phật. Tổ sư của Thiên tông có thần thông của Phật, nên việc dời non, lấp biển là chuyện vặt vãnh. Vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí là vô sở kiến, vô sở kiến thì không gì chẳng thấy, dùng điều này để đối trị mỗi nghi thứ tư.

Sư Nguyên Hiểu trong Tông Yếu còn nói: “Nếu người nào không đoạn được bốn mối nghi này”, không thể trừ bỏ bốn thứ nghi này, “dẫn sanh về nước kia”, dùng công đức khác để sanh đến thế giới Cực Lạc “thì vẫn sanh nơi biên địa”, bạn chỉ có

thể đến được biên địa (biên địa là một loại tỉ dụ, ở trong cung điện không thể thấy Phật, nghe pháp). Chẳng phải Phật không cho bạn nghe pháp, mà là chính bạn như điếc như mù, nghe thấy cũng như không nghe thấy. Khó được nghe, sâu hơn nữa chính là chỉ cho điều này.

Có một số A-la-hán đã luôn theo bên Phật trong rất nhiều năm, cho đến sau cùng khi Phật nói kinh Pháp Hoa, vẫn có 5.000 đệ tử lui ra, không nghe vô nổi. Chúng sanh khó độ biết bao! Rất nhiều đệ tử đã khóc. “Vì sao trong pháp Nhất thừa lại không biết đến việc này?” Họ đều đi theo Phật, vô lượng chúng sanh thành Phật, được đại giải thoát, đại thành tựu, mà những đệ tử này lại không biết, nhìn thấy cũng như không nhìn thấy vậy, thờ ơ hờ hững, không liên quan đến mình.

Đến thế giới Cực Lạc cũng là như thế, nghe A-di-đà Phật giảng kinh cũng như không nghe thấy vậy. Vì thứ bạn quan tâm không phải là việc này, nhất định phải đợi vài trăm năm để tăng cường tín nguyện của bạn, sám hối sạch hết nghi hoặc rồi thì mới được thoát ra.

Chúng ta vẫn chưa hoàn toàn hiểu rõ bốn loại trí tuệ được nói ở trên, thế nhưng phải có thể tự khiêm, không được ngã mạn, không được kiêu ngạo. Tất cả đều phải nghe Phật, dùng lời Phật nói làm y cứ, bản thân không được nảy ra một chút ý riêng, nảy ra ý riêng là ngã mạn lớn nhất, đối với lời Phật nói không dám luận đúng sai. Tôi không hiểu thì nói không hiểu, nhưng tôi ngưỡng mộ tin tưởng, như thế là tốt. “Những người như vậy tùy theo hạnh phẩm của họ mà vãng sanh về nước ấy, không rơi vào biên địa”. Bạn có thể tự khiêm, bạn có thể ngưỡng mộ tin tưởng, tuy không thể hiểu rõ trí tuệ này của Phật, nhưng bạn vẫn có thể vãng sanh thế giới Cực Lạc, không dừng lại ở nơi biên địa.

“Sanh về biên địa là một loại riêng, chẳng thuộc vào chín phẩm”. Bởi vì họ nghi hoặc, không làm theo lời Phật nói, bản thân nảy ra chủ ý, đều không tin sâu vào trí tuệ của Phật. Năm độc: tham sân si mạn nghi, có người sửa chữ “nghi” thành “đổ ky”, trở thành tham sân si mạn đổ ky. Tuy nhiên nếu bạn hoài nghi, thì hoài nghi còn nghiêm trọng hơn đổ ky. Loại người này “tin phước không tin trí”, đối với phước thì họ tin, đối với trí tuệ thì họ tin không nổi. “Tin sự nhưng mê nơi lý”, họ đã tin sự rồi, tin có thế giới Tây Phương Cực Lạc, có A-di-đà Phật, có nhân quả; đối với lý thì họ mê, họ không hiểu, cho nên họ rớt vào nghi thành.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Phục hữu chúng sanh, tích tập thiện căn, hy cầu Phật trí, phổ biến trí, vô đẳng trí, uy đức quảng đại bất tư nghị trí. Ư tự thiện căn bất năng sanh tín, cố u vãng sanh thanh tịnh Phật quốc, ý chí do dự, vô sở chuyên cứ. Nhiên do tục niệm bất tuyệt, kết kỳ thiện nguyện vi bản, tục đắc vãng sanh.**

*Lại có chúng sanh chứa nhóm thiện căn, mong cầu Phật trí, phổ biến trí, vô đẳng trí, uy đức quảng đại bất tư nghị trí, nhưng đối với thiện căn của chính mình không sanh lòng tin, nên đối với việc vãng sanh cõi Phật thanh tịnh, ý chí do dự, chẳng thể chuyên chú nơi chỗ y cứ, nhưng do liên tục niệm Phật không thôi, kết thiện nguyện ấy thành căn bản, nên vẫn được vãng sanh.*

Đoạn kinh văn này là loại nghiệp nhân thứ hai để sanh về biên địa.

Loại người này đối với trí tuệ, đức năng của Phật không có hoài nghi, tôn sùng kính ngưỡng đến cực điểm, vậy vì sao cũng sanh về biên địa? Loại người này là chính mình đối với chính mình không có lòng tin, hoài nghi bản thân tạo nghiệp quá nặng, liệu có thể vãng sanh không? Dẫu mỗi ngày niệm Phật, phát nguyện, nhưng thường xuyên có nghi hoặc này, hoài nghi chính mình, chẳng thể khẳng định bản thân. Bởi vì pháp môn niệm Phật là pháp môn thành Phật ngay hiện đời, chẳng phải là pháp môn thông thường, cho nên sự nghi ngờ lo lắng của họ càng sâu hơn. Những người này đều là người tốt, họ có tâm hồ thẹn.

Đại ý của đoạn kinh văn này là: “*Lại có chúng sanh chứa nhóm thiện căn, mong cầu Phật trí, phổ biến trí, vô đẳng trí, uy đức quảng đại bất tư nghị trí, nhưng đối với thiện căn của chính mình không sanh lòng tin*”, những câu kinh văn này là nói tin tha, không tin tự.

*“Nên đối với việc vãng sanh cõi Phật thanh tịnh, ý chí do dự, chẳng thể chuyên chú nơi chỗ y cứ, nhưng do liên tục niệm Phật không thôi, kết thiện nguyện ấy thành căn bản, nên vẫn được vãng sanh”.*

Đây là một loại, họ tin vào trí tuệ của Phật, nhưng đối với bản thân không đủ lòng tin. Trong Di-đà Yếu Giải nói về sáu lòng tin: tin sự, tin lý, tin tự, tin tha, tin nhân, tin quả. Người này tuy biết cầu Phật trí v.v... nhưng họ không tin tưởng chính mình, việc này vẫn là do không tin sâu vào lý.

Phía trước nói bốn trí, ở đây nói ba trí, đây là vấn đề về văn tự. Phía trước theo bản dịch thời Ngụy thì có bốn loại, bản dịch thời Đường hợp lại thành ba loại, đây chỉ là sự tách ghép không giống nhau của dịch giả, thực chất chỉ là một việc.

“Uy đức quảng đại bất tư nghị trí” chính là hai loại “bất khả xung trí” và “bất tư nghị trí”; “Phổ biến trí” tương đương với “Đại thừa quảng trí”; “Vô đẳng trí” chính là “vô đẳng vô luân tối thượng thắng trí”. Các bản dịch không cùng thời đại, không cùng người dịch nên câu văn khác nhau, tách và ghép không như nhau. Loại người này có thể mong cầu Phật trí, nhưng đối với đạo lý “tâm này là Phật” có nghi tình, chỉ có tin Phật ở bên ngoài, đối với “tự tâm là Phật” thì không thể sanh chánh tín.

Bành Nhị Lâm nói: “Cần phải hiểu thấu suốt Phật trí, cho đến thắng trí thì mới gọi là lòng tin chân thật”. Hết thấy trí đều không là tự tâm. Tin rằng trí của Phật là từ tự tâm sanh ra, những trí tuệ này căn bản là không có ta và cái của ta; nếu có ta và cái của ta thì chính là “thức” rồi. Phạm và thánh đều như nhau, phạm cũng là như vậy, thánh cũng là như vậy, đều chung một trí tuệ. Hoàn toàn tin rằng tự tâm đầy đủ hết thấy trí. Phải tin tự tâm của bạn chính là hết thấy trí, vốn sẵn thành Phật. Việc này rất khó. Ngay cả đại sư Khuê Phong đối với “vốn sẵn thành Phật” còn chưa tin nổi. Khi ngài chú giải kinh Viên Giác nói: “Vốn là Phật” thì còn được một chút. Ngài là người khai ngộ trong Thiền tông, là tổ sư của tông Hoa Nghiêm, thật sự có thể thừa nhận, có thể tin, thì không dễ dàng!

“Chẳng phải ở ngoài tâm lại còn một cái tâm tin Phật riêng biệt”. Tự tâm vốn sẵn thành Phật, ngoài tự tâm không có một cái tâm tin Phật nào khác; cũng chính là không có một vị Phật được tin ở ngoài tâm, mà tự tâm chính là Phật, vốn sẵn thành Phật; chẳng phải bên ngoài có tâm chính là chẳng phải bên ngoài có Phật. “Hồi hướng như thế thì gọi là duy tâm Tịnh độ”, mau được gặp Phật. Vậy nên nhanh hay chậm từ đây mà phân, phạm vị vãng sanh cũng từ đây mà phân. Có người niệm đến mức gió thổi không động, mưa tuôn không thấm, nhưng cũng chẳng thể vãng sanh. Hoàng Niệm lão nói: Đừng luận công phu, phải luận kiến địa. Mật tông là kiến-tu-hạnh-quả, có chánh kiến mới có chánh tu, chánh hạnh, chánh quả. Bạn không có chánh kiến thì tu hành là tu mù luyện quán.

“Nếu đối với các trí của tự tâm vẫn còn vương mắc mỗi nghi”, đối với trí tuệ của tự tâm, bạn vẫn còn có tâm nghi thì khó tránh khỏi chuyện thấy Phật ở ngoài

tâm. Thiền tông nói: “Cầu vị Phật có hình tướng ở bên ngoài không giống như ông đâu”. Nếu bạn cầu vị Phật có hình có tướng không giống với bạn, vậy bạn có ra gì đâu, thật chẳng đáng nói đến. Thế nhưng tự tâm của bạn rất tuyệt vời, tự tâm của bạn chính là Phật, tất cả Phật đều từ tự tâm của bạn mà lưu xuất. Nếu bạn khởi nghi ngờ đối với chính mình thì không tránh được chuyện thấy Phật ở ngoài tâm. Có người trong Thiền tông cứ nói rằng Tịnh độ tông là cầu Phật ngoài tâm, chẳng phải Tịnh độ tông cầu Phật ngoài tâm, mà có một số người tu Tịnh độ thấy Phật ở ngoài tâm. Rất nhiều người tu Mật cũng đều là thấy Phật ở ngoài tâm, bệnh chung của người tu Mật là quá chấp trước (đây là lời Hoàng Niệm lão nói).

“Dầu tu các điều lành, nương theo nguyện mà vãng sanh, nhưng chẳng thấy được Phật”. Tu thiện, dựa vào nguyện này, tuy vãng sanh nhưng không được thấy Phật, bởi vì bạn không khế hợp với Phật trí. Bạn đã làm rất nhiều công đức, có thể miễn cưỡng được vãng sanh. Kinh Như Lai Bất Tư Nghị Cảnh Giới nói: “Tất cả chư Phật ba đời cũng là như vậy, đều vô sở hữu, chỉ nương vào tự tâm”. Chỉ nương vào tự tâm của bạn. “Bồ-tát nếu có thể biết rõ chư Phật và hết thấy pháp đều chỉ là tâm lượng thì sẽ đắc tùy thuận nhãn”. Những Bồ-tát tu hành nếu có thể biết rõ chư Phật và hết thấy pháp của chư Phật đều là thứ mà chỉ có tâm mới có thể biết, là thứ hiển hiện ra từ tâm, thì có thể đắc tùy thuận nhãn, chính là Sơ địa Bồ-tát. Thế nên, nhìn thấy cây Bồ-đề thì được ba loại nhãn: Tùy thuận nhãn, âm hưởng nhãn, vô sanh pháp nhãn.

“Lúc bỏ thân sẽ mau sanh vào thế giới Diệu Hỷ, hoặc sanh về cõi Phật thanh tịnh là Cực Lạc.” Cái lỗi tin Phật trí mà không tin tự tâm lớn như vậy đó. Có trí tuệ quyết định này mới có thể sanh ra tín tâm quyết định, mới có thể quyết định vãng sanh. “Cẩn thận đừng vì tâm nghi hoặc mà đánh mất lợi lớn”, muôn vàn phải thận trọng, đừng bởi vì nghi hoặc mà đánh mất lợi lớn, tuy đến được thế giới Cực Lạc mà không thể nghe pháp. Cho nên, tin tha mà không tin tự thì vẫn là trí tuệ rất nông cạn. Không có trí quyết định thì không có tín tâm quyết định. Thế nên “ý chí do dự, chẳng thể chuyên chú nơi chỗ y cứ” là do đây mà ra. Luôn do dự mãi, không thể chuyên chú, cũng chẳng có nắm chắc, lúc thì mừng vui, lúc thì âu sầu, chính là tín nguyện không kiên định, chỗ y cứ không chuyên nhất. Nhưng họ có thể niệm Phật liên tục, do lực niệm Phật và lực phát nguyện nên vẫn được vãng sanh, nhưng ở nơi biên địa.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Thị chư nhân đẳng, dĩ thử nhân duyên, tuy sanh bỉ quốc, bất năng tiền chí Vô Lượng Thọ sở. Đạo chỉ Phật quốc giới biên, thất bảo thành trung. Phật bất sử nhĩ, thân hạnh sở tác, tâm tự thú hướng. Diệc hữu bảo trì liên hoa, tự nhiên thọ thân, ẩm thực khoái lạc như Đạo-lợi thiên. Ư kỳ thành trung bất năng đắc xuất, sở cư xá trạch tại địa, bất năng tùy ý cao đại. Ư ngũ bá tuế thường bất kiến Phật, bất văn kinh pháp, bất kiến Bồ-tát, Thanh Văn Thánh chúng. Kỳ nhân trí tuệ bất minh, tri kinh phục thiếu, tâm bất khai giải, ý bất hoan lạc, thị cố u bỉ vị chi thai sanh.**

*Những người này, do nhân duyên ấy, tuy sanh về nước kia, nhưng không thể đến thẳng chỗ đức Phật Vô Lượng Thọ, chỉ dừng ở trong thành thất bảo nơi biên giới của cõi Phật. Phật chẳng hề khiến như vậy, nhưng do thân hạnh đã tạo, nên tâm họ tự hướng đến nơi ấy. Ở đó cũng có ao báu, tự nhiên thọ thân trong hoa sen, ăn uống sung sướng như ở trời Đạo-lợi. Nhưng ở trong thành đó không thể ra khỏi, nhà cửa ở trên mặt đất, không thể cao lớn tùy ý. Trong năm trăm năm, thường chẳng thấy Phật, chẳng nghe kinh pháp, không thấy Bồ-tát, Thanh văn thánh chúng. Trí tuệ của những người đó không sáng suốt, biết kinh pháp lại ít, tâm không mở mang, ý không vui vẻ, nên đối với họ, gọi là thai sanh.*

Đoạn kinh văn này răn dạy chúng ta, do vì có nghi, tuy rằng chẳng phải là nghi, chỉ là trong tâm hơi có một chút nghi hoặc mà sanh về biên địa. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ, phải cảnh giác, đối với tự, với tha không được có mảy may nghi hoặc thì mới có thể thành công. Người học Phật tâm địa phải thanh tịnh, đối nhân xử thế tiếp vật lúc bình thời đều nên tùy duyên. Tùy duyên chính là tuyệt đối không hề đưa ra chủ trương của mình, trong sự tùy duyên mà đoạn ác tu thiện. Phải biết: con người sống ở đời chỉ là khách qua đường, nơi đây chẳng phải là quê nhà của chúng ta, chúng ta ở đây chỉ là làm khách, thời gian không bao lâu thì rời đi rồi, hà tất đi so đo việc này, so đo việc kia. Tất cả đều tùy duyên, tùy duyên thì tự tại, phan duyên thì phiền não, hiểu rõ “phàm tất cả tướng đều là hư vọng”, “các pháp là vô thường”, “ngay nơi thế đều là không, trọn chẳng thể đạt được”, đây là chân giác ngộ, đây là chân tướng sự thật.

Tùy duyên là cái gì cũng tốt, thuận cảnh cũng tốt, nghịch cảnh cũng tốt, đều hoan hỷ chung sống hòa hợp. Hiện nay chúng tôi thành lập tiểu viện Lục Hòa theo pháp Lục hòa kính, làm thế nào để hòa? Mỗi một người bắt đầu làm từ chính mình, là tôi phải hòa với bạn, chẳng phải bạn phải hòa với tôi. Bạn có chấp trước, tôi không có chấp trước; bạn có phân biệt, tôi không có phân biệt; bạn có vọng tưởng, tôi không có vọng tưởng. Cái gì cũng đều có thể tùy thuận, thì làm gì có hoàn cảnh nào không thể hòa hợp được, làm gì có người và việc nào mà mình không hòa hợp được.

Những Bồ-tát vãng sanh đến biên địa, tuy họ mang theo nghi hoặc nhưng vẫn vãng sanh đến thế giới Cực Lạc, họ không thể thấy Phật ngay tức khắc, mà dừng ở biên giới cõi Phật. Thành thất bảo là tỉ dụ, kỳ thật vẫn là liên hoa hóa sanh. Quyết chẳng phải thế giới Cực Lạc thật có biên giới, thế giới Cực Lạc không có biên giới, không thấy Phật thì đều là biên giới. Bất kể ở nơi nào, thậm chí là ở bên ngoài giảng đường lớn của A-di-đà Phật, hoặc trong ao thất bảo, hễ là nơi không nhìn thấy A-di-đà Phật thì đều là biên địa. Nếu y văn giải nghĩa mà nhìn biên địa rồi cho rằng đó là khu vực giáp ranh với thế giới Cực Lạc thì đã nghĩ sai mất rồi.

Thế Tôn nói với chúng ta chân tướng rằng: Không phải A-di-đà Phật có ý không gặp mặt họ, mà là bản thân họ có chướng ngại. Tâm của Phật thanh tịnh, tâm của Phật bình đẳng, Phật và chúng sanh cảm ứng đạo giao, duyên của Phật với chúng sanh là bình đẳng, là không có chướng ngại. Phật đối với tất cả chúng sanh không có chướng ngại, là chúng sanh tự tạo chướng ngại, do thân hạnh của người vãng sanh đã tạo, nên tâm tự hướng đến nơi ấy. Do chính họ tạo ra, trong tâm của chính mình có ràng buộc, chưa hoàn toàn tháo gỡ, thậm chí sự ràng buộc đó rất vi tế, chính mình cũng không biết được. Rất nhiều mê hoặc mà bản thân chúng ta không biết, không biết gút mắc của chính mình ở đâu.

Tiếp theo chúng tôi nói về người vãng sanh về biên địa, và người vãng sanh trong chín phẩm có chỗ nào tương đồng, chỗ nào không tương đồng. Chỗ tương đồng là đều là liên hoa hóa sanh. Chỗ không tương đồng là người vãng sanh trong chín phẩm có thể tự tại ra vào hoa sen; người vãng sanh biên địa không thể ra vào hoa sen một cách tự tại. Người vãng sanh trong chín phẩm thì cung điện nơi họ ở có thể lớn nhỏ tùy ý, có thể bay trong không trung, có thể dừng ở trong hoa sen, tùy theo ý muốn. Người vãng sanh biên địa, cung điện không thể tùy ý lớn nhỏ, không



thể bay lên trên không. Người vãng sanh trong chín phẩm thì hoa khai kiến Phật, người vãng sanh biên địa trong 500 năm không thể thấy Phật.

“Ở đó cũng có ao báu, tự nhiên thọ thân trong hoa sen”, đây là nói liên hoa hóa sanh, không cần ở trong bào thai. “Ăn uống sung sướng như ở trời Đao-lợi”, cuộc sống vui sướng như ở trời Đao-lợi. “Nhưng ở trong thành đó không thể ra khỏi”, bởi vì có nghi hoặc thì sẽ có giới hạn, tự hạn chế bản thân, cái khung ấy là do tự mình tạo ra, không phải người khác làm ra. Nhà cửa ở trên mặt đất, không thể bay lên hư không, cũng không thể cao lớn tùy ý. “Trong năm trăm năm, thường chẳng thấy Phật, chẳng nghe kinh pháp, không thấy Bồ-tát, Thanh văn thánh chúng”, đây chính là đặc điểm của biên địa nghi thành.

Thời gian 500 năm cũng chẳng phải tuyệt đối không thể thấy được Phật, mà rất khó thấy Phật. Năm trăm năm này là chỉ cho 500 năm của nhân gian, không phải 500 năm của thế giới Cực Lạc. 500 năm của nhân gian thì cảm thấy thời gian rất dài, ở trời Đao-lợi là 5 ngày, ở trời Dạ-ma thì là thời gian 2 ngày rưỡi. Do đây biết được, đến thế giới Tây Phương Cực Lạc thì nghi hoặc sẽ được tiêu trừ rất nhanh chóng. 500 năm là lâu nhất, rất ít vượt hơn 500 năm, chỉ cần nhận lỗi, sửa lỗi thì được tự tại. Nhận lỗi chính là sám trừ nghiệp chướng, phạm phu chúng ta vì sao không thể sám trừ nghiệp chướng được? Là do không chịu nhận lỗi, nhất là hiện nay, luôn luôn đổ lỗi cho người khác, luôn luôn quy công lao về chính mình.

Chúng ta là người học Phật, đời này dứt sanh tử, thoát luân hồi là mục tiêu của chúng ta, chúng ta làm thế nào thực hiện mục tiêu này? Từ tu thiện, đoạn ác mà bắt đầu. Thiện thì phải dấn đi, ác thì phải nêu ra. Đối với bản thân nhất định phải làm như vậy, thiện ác của người khác thì đừng để ý đến. Thế giới này càng có chúng sanh gặp khổ nạn thì Phật Bồ-tát thị hiện sẽ càng nhiều. Phật Bồ-tát thị hiện ở trong chúng sanh, rờn rấn hỗn tạp. Các ngài muốn độ chúng sanh thì buộc phải giống như chúng sanh, tức là “đồng sự nhiếp”. Bạn biết người làm ác đó là người ác thật hay là do Phật Bồ-tát ứng hóa ra không? Chúng ta là phạm phu, không biết được. Do đó, chúng ta đối với cảnh giới bên ngoài phải tuân thủ lời dạy của Phật: bình đẳng cung kính. Quan trọng nhất là sửa đổi bản thân, thời thời khắc khắc kiểm điểm chính mình, trong một đời này phải thật sự nắm chắc vãng sanh.

Mời xem kinh văn tiếp theo:

**Nhược hữu chúng sanh minh tín Phật trí, nãi chí thắng trí, đoạn trừ nghi hoặc, tín kỹ thiện căn, tác chư công đức, chí tâm hồi hướng, giai ư thất bảo hoa trung, tự nhiên hóa sanh, già-phu nhi tọa. Tu du chi khoảnh, thân tướng quang minh, trí tuệ công đức, như chư Bồ-tát, cụ túc thành tựu. Di-lặc đương tri, bỉ hóa sanh giả, trí tuệ thắng cố. Kỳ thai sanh giả, ngũ bá tuế trung, bất kiến Tam bảo, bất tri Bồ-tát pháp thức, bất đắc tu tập công đức, vô nhân phụng sự Vô Lượng Thọ Phật. Đương tri thử nhân, túc thế chi thời, vô hữu trí tuệ, nghi hoặc sở trí.**

*Nếu có chúng sanh tin rõ Phật trí cho đến thắng trí, đoạn trừ nghi hoặc, tin vào thiện căn của mình, làm các công đức, chí tâm hồi hướng thì đều tự nhiên ngồi xếp bằng, hóa sanh trong hoa bảy báu. Trong khoảnh khắc, thân tướng quang minh, trí tuệ công đức thành tựu đầy đủ như các Bồ-tát vậy. Di-lặc nên biết, hạng hóa sanh đó là do trí tuệ thù thắng. Hạng thai sanh kia trong năm trăm năm không thấy Tam bảo, không biết pháp thức của Bồ-tát, không được tu tập công đức, không có nhân duyên phụng sự Phật Vô Lượng Thọ. Phải biết hạng người này, đời trước không có trí tuệ, do sanh tâm nghi hoặc mà ra.*

Đoạn kinh văn này có thể chia thành hai đoạn nhỏ để nói.

Đoạn nhỏ thứ nhất từ “Nếu có chúng sanh tin rõ Phật trí” đến “thành tựu đầy đủ như các Bồ-tát vậy”, tổng cộng có 15 câu. Kinh văn trong đoạn nhỏ này nói về người niệm Phật vãng sanh thông thường nói chung cũng có hai loại lớn.

Một là chuyên tu Tịnh độ, chính là người vãng sanh ba bậc thượng, trung, hạ. Loại thứ hai là chẳng phải chuyên tu Tịnh độ, mà tu học các pháp môn Đại thừa khác, lúc lâm chung hồi hướng cầu sanh Tịnh độ, cũng có thể được sanh, đây chính là “nhất tâm tam bối” mà đại sư Từ Châu đã phán. Họ vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc phẩm vị thế nào? Hoàn toàn xem công phu tu học của họ, bất luận tu học pháp môn nào đều có thể chia công phu của họ thành ba bậc thượng, trung, hạ. Trong tông này, bậc thượng là lý nhất tâm bất loạn, bậc trung là sự nhất tâm bất loạn, bậc hạ là công phu thành phiền. Thiền tông cũng chia làm ba bậc: bậc thượng là chiếu kiến, bậc trung là chiếu trụ, bậc hạ là quán chiếu. Đây là những công phu khác nhau trong Thiền tông.

Bất kể tu pháp môn nào thì nguyên tắc quan trọng nhất chính là: tinh chuyên, không được xen tạp. Từ xưa đến nay, người tu học Đại thừa hồi hướng vãng sanh rất nhiều. Cuối triều Minh đầu triều Thanh rất nhiều người học Hoa Nghiêm, cư sĩ Dương Nhân Sơn chính là “giáo tông Hoa Nghiêm, hành tại Di-đà”. Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa của cư sĩ Giang Vị Nông mọi người đã xem qua, ngài cả đời hạ công phu 40 năm trên kinh Kim Cang, nhưng ngài lại niệm A-di-đà Phật vãng sanh. Điều này chứng tỏ pháp môn Tịnh tông vô cùng rộng lớn. A-di-đà Phật không hề hạn chế quy định bạn: Con phải học pháp môn này của ta, nếu không thì không thể vãng sanh được; mà là tùy họ tu học pháp môn nào rồi hồi hướng cầu sanh Tịnh độ thì đều được vãng sanh, A-di-đà Phật đến tiếp dẫn bạn.

Do đó, chúng ta gặp người tu học pháp môn khác thì nên tán thán, phải khuyên họ chuyên tu, hồi hướng cầu sanh Tịnh độ. Họ đã dụng công phu nhiều năm như vậy thì không cần thay đổi, đổi rồi thì họ sẽ không quen. Khuyên họ hãy tiếp tục tu như vậy, chỉ cần thật sự phát tâm, mong rằng sau khi vãng sanh thấy A-di-đà Phật, sanh đến thế giới Cực Lạc thì đều có thể mãn nguyện. Chúng ta tu học tông này, phi báng tông phái khác, coi thường pháp môn khác tức là phi báng Tam bảo, tạo tội nghiệp cực lớn.

Đoạn nhỏ thứ hai từ “Di-lặc nên biết” đến “nghi hoặc mà ra”, tổng cộng 13 câu.

Ba câu đầu: “*Di-lặc nên biết, hạng hóa sanh đó, là do trí tuệ thù thắng*”. Đây là nói người vãng sanh chín phẩm trong bốn cõi đều là trí tuệ siêu thắng. Trí tuệ siêu thắng chính là không hoài nghi. Phàm là hoài nghi thì đều là nghiệp chướng rất nặng, có nghiệp chướng nên họ mới hoài nghi. Cho dù là vãng sanh hạ hạ phẩm cõi Phàm Thánh Đồng Cư thì cũng không hoài nghi. Đối với trí tuệ và đức năng của Phật, đối với thiện căn của chính mình họ đều không hoài nghi, đây là trí tuệ siêu thắng.

Sáu câu ở giữa từ “hạng thai sanh kia” cho đến “không có nhân duyên phụng sự Phật Vô Lượng Thọ” nói về chúng sanh vãng sanh đến biên địa nghi thành, khổ nạn mà họ thọ nhận, họ ở biên địa nghi thành là có thời hạn, lâu nhất cũng không vượt hơn 500 năm. Chẳng phải nhất định phải là 500 năm, việc này phải xem mức độ giác ngộ nhanh hay chậm của người vãng sanh nơi biên địa, hễ giác ngộ thì bèn nhập vào phẩm vị. Theo Vãng Sanh Truyện ghi chép, ông Viên Hoằng Đạo thời nhà

Minh là niệm Phật vãng sanh đến biên địa nghi thành, ông ấy mang theo nghi hoặc mà vãng sanh, tuy sanh ở biên địa nhưng ông giác ngộ rất nhanh, giác ngộ rồi bèn thoát ra khỏi biên địa.

Sanh đến biên địa thì có những nỗi khổ sở nào? “*Không thấy Tam bảo*”, không gặp được Tam bảo: Phật, pháp, tăng; “*không biết pháp thức của Bồ-tát*”, bởi vì không có cơ hội nghe pháp, cho nên đối với lý luận, phương pháp và nghi thức tu hành của Bồ-tát họ đều không biết; “*không được tu tập công đức*”, ở biên địa chỉ có hưởng phước, không thể làm công đức; “*không có nhân duyên phụng sự Phật Vô Lượng Thọ*”, không thấy được A-di-đà Phật. Vì sao lại như vậy? Bốn câu kinh văn phía sau chính là đáp án:

“*Phải biết hạng người này, đời trước không có trí tuệ, do sanh tâm nghi hoặc mà ra*”, tóm lại đều quy về nghiệp chướng nghi hoặc. Tâm nghi này chính là năm loại phiền não căn bản của tư hoặc: tham, sân, si, mạn, nghi. Những nghi hoặc khác trên thế gian đều không liên quan, không trở ngại, nhưng sự nghi hoặc này là trở ngại rất lớn. “Nghi” được gọi là phiền não căn bản, từ đây biết rằng, hóa ra nghi hoặc có chướng ngại lớn đến như vậy. Đây chẳng phải là sự nghi hoặc đối với những sự và lý thông thường, mà là nghi hoặc đối với Phật pháp Đại thừa, nghi hoặc đối với Tịnh tông, nên chướng ngại càng lớn hơn nữa.

Tôi đã giảng xong kinh văn phẩm thứ bốn mươi, tiếp theo xin quy nạp trọng điểm một chút.

Trọng điểm của kinh văn phẩm thứ 40, phẩm kinh văn này có 8 trọng điểm.

Trọng điểm thứ nhất: Đối với hạng thai sanh ở thế giới Tây Phương Cực Lạc, Thế Tôn đã nói rõ cho chúng ta như thế nào? Kết hợp với đoạn khai thị về nghi của đại sư Ấn Quang, hãy nói về lĩnh hội của bạn.

Trọng điểm thứ hai: Nhân của thai sanh là gì? Hãy dùng một câu để trả lời. Loại nghiệp nhân thứ nhất vãng sanh về biên địa nghi thành là gì? Hãy dùng kinh văn để trả lời.

Trọng điểm thứ ba: Bạn có thể kể ra tên của bốn loại trí tuệ không? Kết hợp với thực tế, hãy nói xem nếu không tin vào bốn trí này thì có những biểu hiện gì, có nguy hại gì? Bạn có tin là Phật có đầy đủ bốn loại trí tuệ viên mãn rốt ráo này hay không?

Trọng điểm thứ tư: Bạn hiểu hai câu “từ sự trì mà đạt đến lý trì, tức tâm phàm chuyển thành tâm Phật” mà đại sư Ngẫu Ích nói như thế nào?

Trọng điểm thứ năm: Không tin tứ trí thì có bốn nghi hoặc, không phá trừ bốn nghi hoặc thì không thể vãng sanh thế giới Tây Phương Cực Lạc. Bạn có bao nhiêu nghi hoặc vậy? Bạn có phương pháp hay nào để phá trừ nghi hoặc hay không?

Trọng điểm thứ sáu: Khi Phật giảng kinh Pháp Hoa, 5.000 đệ tử đã lui ra, bạn hiểu sự việc này thế nào?

Trọng điểm thứ bảy: Người vãng sanh đến biên địa nghi thành và người vãng sanh trong chín phẩm của thế giới Cực Lạc có chỗ nào khác biệt và tương đồng?

Trọng điểm thứ tám: Sanh đến biên địa nghi thành thì có những nỗi khổ nào?

Tiết học này giao lưu đến đây, cảm ơn mọi người, A-di-đà Phật!